

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HNGĐ - ST
Ngày 18 - 01 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1974 (Có mặt).

Cư trú: ấp C, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L - Sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Cư trú: ấp C, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L sống chung như vợ chồng với nhau vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Chị T và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T và anh L bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận, thường hay cự cãi nhau, anh L sống không chung thủy với chị T. Chị T và anh L đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L có 01 người con chung tên là Nguyễn Việt B, sinh năm 1996, hiện nay đã trưởng thành, có thể chất phát triển bình thường, tự lao động nuôi sống bản thân, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T xác định có tài sản chung nhưng chị T và anh L tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác định trong thời gian chung sống chị và anh L không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn L, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của chị T nhưng anh L không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh L có địa chỉ tại ấp C, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp anh Nguyễn Văn L tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L kết hôn vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của chị T và anh L không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L thống nhất có 01 người con chung tên là Nguyễn Việt B, sinh năm 1996, hiện nay đã trưởng thành, có thể chất phát triển bình thường, tự lao động nuôi sống bản thân, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T xác định trong thời gian chung sống chị và anh L có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T thống nhất trong thời gian chung sống chị và anh L không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, bà Thơ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh L vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28; 35; 39; 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

Án phí hôn nhân và gia đình: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng. Chị T có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006395 ngày 27 - 5 - 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Kiệt